

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: **34/2026/HS-PT**

Ngày: 28/01/2026

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Việt Hùng.

Các Thẩm phán: Ông Trương Công Bình, bà Lưu Thị Thu Hường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Đức Anh - Thư ký viên TAND tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Ông Vũ Đình Tân - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 360/2025/TLPT- HS, ngày 09/12/2025 đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 về tội “*Cố ý gây thương tích*”. Do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án Hình sự sơ thẩm số 19/2025/HS-ST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân Khu vực 15 - Đắk Lắk.

*** Các bị cáo có kháng cáo:**

1. Nguyễn Ngọc T (tên gọi khác: Tú H), sinh ngày 25/5/1986, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), nơi cư trú: thôn B, xã S, tỉnh Đắk Lắk, nghề nghiệp: lao động tự do, trình độ học vấn: 12/12, dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Ngọc P, sinh năm 1958 (đã chết) và bà Đặng Thị M, sinh năm 1962; Anh, chị, em ruột: có 03 em; có vợ: Nguyễn Thị Trà L, sinh năm 1990 (đã ly hôn); Con: Có 03 con, lớn nhất sinh năm: 2010, nhỏ nhất sinh năm: 2018; tiền án: Ngày 22/4/2019, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên xử phạt 01 năm 03 tháng tù về tội “*Chống người thi hành công vụ*” theo quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 15/8/2020, tiền sự: không; nhân thân:

- Ngày 06/5/2005, bị UBND tỉnh P áp dụng pháp đưa vào cơ sở giáo dục 24 tháng về hành vi Gây rối trật tự công cộng và cố ý gây thương tích, thời gian 24 tháng, đã chấp hành xong.

- Ngày 09/9/2013, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Gây rối trật tự công cộng với số tiền 2.000.000 đồng, nộp phạt ngày 25/9/2013;

- Ngày 09/12/2013, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 750.000 đồng, nộp phạt ngày 02/01/2014;

- Ngày 19/6/2014, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên phạt 06 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản quy định tại khoản 1 Điều 143 Bộ luật Hình sự, chấp hành xong ngày 14/01/2015, đóng án phí ngày 12/8/2014;

- Ngày 22/6/2015, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 25/11/2015;

- Ngày 13/7/2015, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 25/11/2015;

- Ngày 15/02/2017, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính hành vi

Cố ý gây thương tích với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 25/8/2017;

- Ngày 08/02/2018, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cản trở hoạt động của Công ty T4 với số tiền 3.000.000 đồng nộp phạt ngày 08/02/2018;

- Ngày 08/5/2018, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi cố ý gây thương tích với số tiền 2.500.000 đồng, nộp phạt ngày 09/5/2018;

- Ngày 14/9/2021, bị Công an xã Đ, huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền 750.000 đồng, nộp phạt ngày 24/10/2023;

- Ngày 28/12/2023, bị Chủ tịch UBND tỉnh P xử phạt đối với hành vi điều khiển xe ô tô tải mà trong hơi thở có nồng độ cồn với số tiền 46.000.000 đồng, nộp phạt ngày 03/01/2024;

- Ngày 06/3/2024, bị Tòa án nhân dân huyện Sông Hình xử phạt 06 tháng tù về tội Cố ý làm hư hỏng tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 178 BLHS, nộp án phí ngày 15/5/2024.

- Ngày 20/4/2024, bị Công an huyện S xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Cố ý gây thương tích với số tiền 6.500.000 đồng, chưa nộp phạt.

- Ngày 21/8/2024, bị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Yên tuyên phạt 09 tháng tù về tội Chống người thi hành công vụ quy định tại khoản 1 Điều 330 Bộ luật Hình sự; nộp án phí ngày 07/10/2024.

Bị cáo tại ngoại – có mặt.

2. Nguyễn Đức T1, sinh ngày 28/10/1989, tại tỉnh Phú Yên (nay là tỉnh Đắk Lắk), nơi cư trú: thôn T, xã Đ, tỉnh Đắk Lắk, nghề nghiệp: Lái xe, trình độ học vấn: 09/12, dân tộc: kinh; giới tính: nam; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn Đ, sinh năm 1958 và bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959; Anh, chị, em ruột: có 03 anh, 01 chị; có vợ: Nguyễn Thị H2, sinh năm 1995 (đã ly hôn); Con: Có 01 con sinh năm: 2013; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại – có mặt.

- *Bị hại*: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1981, nơi cư trú: thôn Đ, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) – vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng ngày 03/02/2021, Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1, Nguyễn Thành L1 và Nguyễn Văn M1 đến nhà Nguyễn Thành N ở xã E, huyện S (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) để đòi tiền N nợ của M2, nhưng vợ chồng N không trả; M2 đi về nhà của M1 còn T, T1, L1 và N đến quán Anh P1 tại Buôn K, xã K (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) để nhậu, tại đây T tiếp tục yêu cầu N trả tiền cho M2, nhưng N nói với T là chưa có tiền; rồi N rủ T, T1, L1 cùng đến nhà anh Lương Văn P2 ở Buôn K, xã K ăn tất niên. Đến khoảng 13 giờ 00 phút cùng ngày, sau khi ăn nhậu xong, N cùng T, T1 và L1 rủ nhau đến nhà ông Lê Minh T2 ở thôn Đ, xã E, huyện S (nay là xã S, tỉnh Đắk Lắk) để nhậu tiếp; khi đến nơi T và T1 đi vào nhà anh T3, L1 đi nghe điện thoại, còn N ngồi trước nhà Lê Tấn D (anh trai T3) cách vị trí L1 nghe điện thoại khoảng 5,9m; Lúc này, T đi đến sau lưng N, rồi dùng tay đánh từ sau tới vào vùng mặt bên trái của N, làm N ngã ngửa xuống đất, T tiếp tục dùng chân phải đạp từ trên xuống vào vùng bụng của N; thấy T đánh N, nên T1 chạy đến dùng chân trái đá vào đùi trái và dùng tay trái nắm

vào mặt bên trái của N; Thấy vậy, L1 chạy đến can ngăn. Sau đó, T, T1 và L1 lên xe ô tô đi về, N bị thương tích 13%.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 19/2025/HSST ngày 16/10/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 15 - Đắk Lắk đã quyết định: **Tuyên bố:** Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Ngọc T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án; Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134, điểm b, s khoản 1, 2 Điều 51, khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015 xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 **06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên phân trách nhiệm dân sự; xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo của những người tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật.

Ngày 20/10/2025, bị cáo Nguyễn Ngọc T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Ngày 21/10/2025, bị cáo Nguyễn Đức T1 kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa, các bị cáo vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm đã tuyên.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo – giữ nguyên Bản án sơ thẩm về phần hình phạt đối với các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Lời khai nhận tội của các bị cáo tại CQĐT và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm đều phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng về thời gian, địa điểm phạm tội, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 03/02/2021, tại thôn Đ, xã E, huyện S, tỉnh Phú Yên (nay là thôn Đ, xã S, tỉnh Đắk Lắk) Nguyễn Ngọc T và Nguyễn Đức T1 không có mâu thuẫn với Nguyễn Thành N nhưng T và T1 đã dùng tay, chân đánh N gây thương tích tỷ lệ 13%. Mặc dù, tỷ lệ thương tích của Nguyễn Thành N chưa đến 31% nhưng hành vi của các bị cáo có tính chất côn đồ, nên cấp sơ thẩm truy tố, xét xử các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm đ khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng tội.

[2] Hành vi phạm tội của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến sức khỏe của người khác, gây mất trật tự trị an và an toàn xã hội tại địa phương nên cần áp dụng hình phạt tù nghiêm khắc, tương xứng với tính chất, mức độ phạm tội của các bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của các bị cáo, hội đồng xét xử thấy:

[3.1] Đối với bị cáo Nguyễn Ngọc T: Xét bị cáo có nhân thân xấu, đã nhiều lần bị xử phạt vi phạm hành chính về nhiều hành vi khác nhau và nhiều lần bị kết án về nhiều tội phạm khác nhau, trong đó bị cáo có một lần bị kết án về tội “Chống người thi hành công vụ”, chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội do lỗi cố ý nên lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm, là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự

quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự. Ngoài các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo, tại cấp phúc thẩm bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo nộp bồi thường thêm cho bị hại số tiền 6.000.000đ, thể hiện thái độ ăn năn hối cải; bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, được chính quyền địa phương xác nhận, đây là tình tiết mới phát sinh tại cấp phúc thẩm. Tuy nhiên, xét mức hình phạt 02 năm 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm đã áp dụng đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3.2] Đối với bị cáo Nguyễn Đức T1: Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo cung cấp tài liệu thể hiện bị cáo nộp bồi thường cho bị hại số tiền 15.000.000đ theo quyết định của bản án sơ thẩm, thể hiện thái độ ăn năn hối cải, bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Tuy nhiên, xét mức hình phạt 06 tháng tù mà cấp sơ thẩm áp dụng đối với bị cáo là đã có phần nhẹ. Mặc dù bị cáo là người có nhân thân tốt, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự, nhưng bị cáo phạm tội thuộc trường hợp có tính chất côn đồ nên không được hưởng án treo theo quy định của pháp luật. Do đó, không có cơ sở chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo mà chấp nhận ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên toà, giữ nguyên bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

[4] Đối với số tiền 2.000.000 đồng bị cáo Nguyễn Đức T1 nộp bồi thường cho bị hại tại cấp sơ thẩm, nhưng tại cấp phúc thẩm, bị cáo T1 đã bồi thường đủ cho bị hại số tiền 15.000.000 đồng theo quyết định của bản án sơ thẩm. Tại phiên toà, bị cáo T1 yêu cầu được nhận lại số tiền 2.000.000 đồng nộp thừa tại cấp sơ thẩm. Xét thấy yêu cầu này của bị cáo T1 là phù hợp nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên các bị cáo phải chịu án phí Hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 của Bộ luật tố tụng Hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo – Giữ nguyên bản án sơ thẩm về phần hình phạt;

Tuyên bố: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

1. Về hình phạt:

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Ngọc T **02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án;

- Áp dụng điểm đ khoản 2 Điều 134; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1 Điều 54 Bộ luật Hình sự 2015.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đức T1 **06 (sáu) tháng tù**, thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

2. Về phân trách nhiệm dân sự: Căn cứ các Điều 584, Điều 585, Điều 590 Bộ luật Dân sự:

- Bị cáo Nguyễn Ngọc T phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành N số tiền là 15.000.000 đồng, bị cáo đã bồi thường 8.000.000 đồng, còn phải tiếp tục bồi thường số tiền 7.000.000 đồng; bị cáo Nguyễn Đức T1 phải bồi thường cho bị hại Nguyễn Thành N số tiền là 15.000.000 đồng, bị cáo T1 đã bồi thường đủ cho bị hại Nguyễn Thành N.

- Bị hại Nguyễn Thành N được nhận số tiền do bị cáo Nguyễn Ngọc T nộp bồi thường, cụ thể: Số tiền 2.000.000đ tại biên lai thu tiền số 0000156 ngày 08/9/2025 và số tiền 6.000.000đ tại biên lai thu tiền số 0000823 ngày 05/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Bị cáo Nguyễn Đức T1 được nhận lại số tiền số tiền 2.000.000đ mà bị cáo đã nộp vào tài khoản 394909040469 của Cơ quan cảnh sát điều tra công an tỉnh P (nay là tỉnh Đắk Lắk) ngày 22/04/2025.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (Đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), nếu người phải thi hành án chưa thi hành xong nghĩa vụ của mình thì phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian và phần nghĩa vụ chưa thi hành.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về án phí: Các bị cáo Nguyễn Ngọc T, Nguyễn Đức T1 mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm, không có kháng cáo, kháng nghị, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Tòa PT TAND Tối cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng HSNV CA tỉnh Đắk Lắk;
- TAND khu vực 15 - Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 15 - Đắk Lắk;
- Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk;
- Phòng thi hành án dân sự khu vực 15;
- Các Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Việt Hùng

